|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đ | N | 2 | 5 | 2 | 0 | 0 | 0 | 7 |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**---------------------**

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Hợp đồng số: 209/2020/HĐXL-ĐLCM**

**GÓI THẦU SỐ 2: THI CÔNG XÂY LẮP.**

**CÔNG TRÌNH:**

**“Cải tạo lưới điện trung hạ thế và TBA huyện Cẩm Mỹ năm 2020”**

**KÝ KẾT GIỮA**

**Điện lực Cẩm Mỹ - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai**

**VÀ**

**Công ty TNHH Thu Lộc**

**MỤC LỤC**

**Phần 1. Văn bản hợp đồng và các phụ lục**

* Hợp đồng thi công xây dựng.
* Bảng giá hợp đồng.
* Biên bản thương thảo hợp đồng.
* Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng.
* Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

**Phần 2. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.**

**Phần 3. Điều kiện chung của hợp đồng.**

**Phần 1. VĂN BẢN HỢP ĐỒNG VÀ CÁC PHỤ LỤC:**

* **Hợp đồng thi công xây dựng.**
* **Bảng giá hợp đồng.**
* **Biên bản thương thảo hợp đồng.**
* **Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng.**
* **Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.**

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG**

*Câm Mỹ, ngày 10 tháng 3 năm 2020*.

**Hợp đồng số:** 209/2020/HĐXL-ĐLCM

**Gói thầu số 2:** THI CÔNG XÂY LẮP

**Công trình:** **“Cải tạo lưới điện trung hạ thế và TBA huyện Cẩm Mỹ năm 2020”.**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số [46/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=46/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng ;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư 07/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 2204/EVN SPC-QLĐTh ngày 27/3/2017 của Tổng công ty Điện lực Niềm Nam ban hành mẫu hợp đồng thi công xây dựng và mẫu biên bản hợp đồng;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-ĐLCM ngày 25/02/2020 của Điện lực Cẩm Mỹ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 2: Thi công xây lắp, thuộc công trình: “Cải tạo lưới điện trung hạ thế và TBA huyện Cẩm Mỹ năm 2020”;

Căn công văn số 168/ĐLCM ngày 26/02/2020 của Điện lực Cẩm Mỹ về việc chấp thuật HSDT và trao hợp đồng gói thầu số 2: Thi công xây lắp, thuộc công trình: “Cải tạo lưới điện trung hạ thế và TBA huyện Cẩm Mỹ năm 2020”;

Căn cứ văn bản số ......../CV-TL ngày 09/3/2020 của Công ty TNHH Thu Lộc về việc chấp thuận thực hiện hợp đồng thi công xây lắp.

***Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:***

**1. Chủ đầu tư (Sau đây gọi là Bên A): Điện lực Cẩm Mỹ - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.**

- Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ, ấp Suối Cả, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 02518 600 046 Fax: 02513 79 84 88

- Tài khoản số: 5914201001484 Tại ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Cẩm Mỹ.

- Mã số thuế: 3600432744 – 013.

- Đại diện là ông: **Nguyễn Vĩnh Tuấn** Chức vụ: **Giám đốc**

**2. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):** **Công ty TNHH Thu Lộc.**

- Địa chỉ: 215 Hùng Vương, KP4, TT Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 096 99999 39

- Tài khoản: 5902201002632 Tại Ngân hàng NN&PTNT CN huện Xuân Lộc.

- Mã số thuế: 3602317088.

- Đại diện là Bà: **Trần Thị Ngọc Thọ** Chức vụ: **Giám đốc**.

**Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:**

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng.**

- Bên A giao cho bên B thực hiện việc cung cấp các vật tư, phụ kiện theo phục lục bảng giá hợp đồng đính kèm và Thi công xây lắp theo đúng thiết kế, bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, khối lượng mời thầu, quy mô và các yêu cầu khác được mô tả trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu của công trình, biên bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng và các văn bản liên quan khác đảm bảo tiến độ, an toàn mỹ quan, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

* 1. Hợp đồng;
  2. Bảng giá hợp đồng;
  3. Biên bản thương thảo hợp đồng;
  4. Bản vẽ thiết kế;
  5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
  6. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;
  7. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
  8. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục;
  9. E-Hồ sơ mời thầu;
  10. E-HSDT của Nhà thầu và văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu;
  11. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu**

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung (ĐKC) và điều kiện cụ thể (ĐKCT) của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư**

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: **3.539.713.635 đồng (*Ba tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng*), đã có 10%VAT***.*

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 **ĐKCT**.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

**Điều 7. Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh khối lượng hợp đồng.**

Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh khối lượng hợp đồng theo quy định tại Điều kiện cụ thể của hợp đồng tại mục ĐKC 35.1 và 35.2 (ĐKCT của hợp đồng).

**Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày** (trong đó đã bao gồm các ngày thứ Bảy và Chủ nhật, không bao gồm ngày lễ theo quy định).

**Điều 9. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 25/03/2020 và chủ đầu tư nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 08 bộ, Chủ đầu tư giữ 06 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN B**  **GIÁM ĐỐC**  **Trần Thị Ngọc Thọ** | **ĐẠI DIỆN BÊN A**  **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Vĩnh Tuấn** |

**Phần 2. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ (ĐKCT) CỦA HỢP ĐỒNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Các quy định chung** | |
| **ĐKC 1.4** | Chủ đầu tư là:  Tên chủ đầu tư: **Điện lực Cẩm Mỹ – Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai**  Địa chỉ: **TTHC H.Cẩm Mỹ - Ấp Suối Cả - Long Giao - Cẩm Mỹ - Đồng Nai.**  Tài khoản: **5914201001484 tại Ngân hàng NNPTNT - Chi nhánh Cẩm Mỹ - Huyện Cẩm Mỹ - Đồng Nai**  Mã số thuế: **3600432744-013**  Đại diện là Ông: **Nguyễn Vĩnh Tuấn.**  Chức vụ: **Giám đốc** |
| **ĐKC 1.6** | Công trình bao gồm:  Tên công trình: **Cải tạo lưới điện trung hạ thế và TBA huyện Cẩm Mỹ năm 2020.**  Địa điểm: **Huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.**  Các nội dung công việc cụ thể được mô tả trong E-HSMT tại: Bảng tổng hợp giá dự thầu, Bảng chi tiết giá dự thầu và Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật. |
| **ĐKC 1.8** | Địa điểm: Công trường tại **huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai.** |
| **ĐKC 1.13** | Ngày hoàn thành cho toàn bộ Công trình là **120 ngày** *(đã bao gồm ngày thứ Bảy và Chủ nhật, không bao gồm các ngày lễ theo qui định)* kể từ ngày phát lệnh khởi công công trình**.** |
| **ĐKC 1.14** | Ngày khởi công là **theo lệnh khởi công.** |
| **ĐKC 1.15** | Nhà thầu là: **Công ty TNHH Thu Lộc.** |
| **ĐKC 1.21** | -Nhà thầu phải thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **12 tháng** kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công trình.  - Trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá **21 ngày** sau khi nhận được thông báo của Bên giao thầu. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không thực hiện sửa chữa thì Bên giao thầu có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba), toàn bộ chi phí sửa chữa chi trả cho bên thứ ba sẽ sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu |
| **ĐKC 1.23** | Tư vấn giám sát là: **Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Nai.** |
| **ĐKC 2.8** | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:   * Kế hoạch thi công, Biểu tiến độ thi công chi tiết; * Biện pháp tổ chức thi công; * Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt; * Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có); * Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B …) các đội, tổ thi công; * Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình; * Các phụ lục kèm theo của hợp đồng (nếu có)*.****.*** |
| **ĐKC 4** | Chủ đầu tư *không thể* ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác. |
| **ĐKC 5** | Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng  Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu: **106.191.406 đồng** (**3% (ba phần trăm)**giá trị hợp đồng). Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho chủ đầu tư trong vòng **07 ngày *(bảy ngày)*** sau ngày hợp đồng được ký kết.  Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng*: Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, biểu mẫu theo quy định của Ngân hàng phát hành và không có điều khoản hoàn trả bảo lãnh theo yêu cầu của bên mở bảo lãnh.*  - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến **hết ngày thứ 28** sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.  - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được xem như hết hiệu lực và đã hoàn trả cho Nhà thầu khi Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành công trình. |
| **ĐKC 7.1** | Danh sách nhà thầu phụ: ***không áp dụng.*** |
| **ĐKC 7.2** | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện ***không áp dụng.*** |
| **ĐKC 7.4** | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: ***không áp dụng*** |
| **ĐKC 14** | Yêu cầu về bảo hiểm: **Nhà thầu phải mua bảo hiểm theo quy định hiện hành.** |
| **ĐKC 15** | Thông tin về Công trường là: Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu. |
| **ĐKC 18** | Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ít nhất là **07 ngày** sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng*.* |
| **ĐKC 21.2** | Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải, thời gian tiến hành hòa giải tối đa là **15 ngày** làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc chủ đầu tư.  Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. |
| **B. Quản lý thời gian** | |
| **ĐKC 22** | - Ngày khởi công: **theo lệnh khởi công.**  - Ngày hoàn thành dự kiến:**120 ngày từ ngày khởi công.** |
| **ĐKC 23.1** | - Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng **07 ngày** từ ngày ký Hợp đồng. |
| **ĐKC 23.3** | - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: **07 ngày**. |
| **ĐKC 24.3** | Các trường hợp khác: Theo yêu cầu chủ đầu tư. Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp, hoặc trở ngại khác thì chủ đầu tư và nhà thầu có văn bản thoả thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng. |
| **C. Quản lý chất lượng** | |
| **ĐKC 27.2** | Vật tư, máy móc, thiết bị: các chủng loại vật tư, mà Nhà thầu cung cấp theo yêu cầu của HSMT. Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm. kiểm nghiệm tại Trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST 3) theo quy định trong hồ sơ mời thầu, theo biên bản thương thảo hợp đồng |
| **D. Quản lý chi phí** | |
| **ĐKC 34.1** | Giá hợp đồng: **3.539.713.635 đồng *(Ba tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng)*, đã có 10%VAT**. |
| **ĐKC 35.1** | Điều chỉnh khối lượng hợp đồng:   * Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. * Trường hợp thay đổi thiết kế xây dựng công trình được chủ đầu tư chấp thuận mà làm thay đổi khối lượng so với phạm vi công việc cần thực hiện theo hợp đồng thì phần khối lượng này (tăng, giảm, bổ sung) được điều chỉnh tương ứng. Việc điều chỉnh khối lượng này là căn cứ để điều chỉnh giá hợp đồng. |
| **ĐKC 35.2** | Điều chỉnh giá hợp đồng:   * Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực. * Khi phát sinh khối lượng ngoài phạm vi hợp đồng và chưa có đơn giá trong hợp đồng, thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá trước khi thực hiện. Đơn giá này được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. * Đối với khối lượng tăng có đơn giá trong hợp đồng, hoặc giảm so với phạm vi công việc cần thực hiện theo hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng để điều chỉnh tăng, hoặc giảm giá hợp đồng tương ứng. |
| **ĐKC 35.3** | Điều chỉnh tiến độ hợp đồng: chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:   * Trường hợp bất khả kháng, không do lỗi chủ quan của các bên tham gia hợp đồng. * Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan là ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. * Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan là ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu gây ra. |
| **ĐKC 37.1** | **1. Phương thức thanh toán:**  - Việc thanh toán 01 lần sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành **(5% giá trị hợp đồng).**  - Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng.  **2. Thời hạn thanh toán:**  - Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng **30 ngày** làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.  **3. Hình thức thanh toán:** thanh toán bằng hình thức chuyển khoản 100%.  **4. Hồ sơ thanh toán:**  - Biên bản nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu hoàn thành, bảng xác định khối lượng hoàn thành (hồ sơ hoàn công 04 bộ).  - Bảng khối lượng phát sinh (nếu có).  - Giấy đề nghị thanh toán: 04 bản;  - Hóa đơn VAT: 01 bản chính + 03 bản sao có chứng thực;  - Hồ sơ quyết toán: 04 bộ;  - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 01 bản chính + 03 bản sao có chứng thực;  - Bảo lãnh bảo hành: 01 bản chính + 03 bản sao có chứng thực; |
| **ĐKC 38** | Điều chỉnh thuế: ***không được phép.*** |
| **ĐKC 43.1** | Mức phạt:  1. Nhà thầu vi phạm thời gian thi công công trình, thời hạn hoàn thành hợp đồng theo tiến độ do lỗi chủ quan của nhà thầu, không do các nguyên nhân khách quan khác thì bị phạt những khoản tiền như sau:   * Chậm trễ từ 1 đến 7ngày đầu phạt **2%** giá trị hợp đồng. * Chậm mỗi ngày tiếp theo phạt thêm **0,5%** giá trị hợp đồng.   Tổng số tiền phạt do không hoàn thành hợp đồng đúng thời hạn không quá **12%** giá trị hợp đồng.  2. Ngoài ra, nhà thầu vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật. Mức bồi thường thiệt hại tương đương với mức tổn thất của bên kia.  3. Chất lượng thi công công trình không đảm bảo theo thỏa thuận trong hợp đồng:  - Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu, các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật theo hồ sơ mời thầu.  - Thi công công trình không đảm bảo chất lượng, gây lún, nứt, ngã đỗ... hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ, không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam, các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng mà không phải nguyên nhân từ đơn vị tư vấn thiêt kế;  - Thi công công trình không phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt mà không có ý kiến chấp thuận của chủ đầu tư;  - Thi công công trình không phù hợp với biện pháp thi công được duyệt, để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình;  Trong trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa, thay thế theo yêu cầu của chủ đầu tư và bị phạt 5% giá trị hợp đồng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt theo Mục 1 Điều này.  4. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ bị tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng.  5. Trong mỗi lần cắt điện (nếu có), đơn vị thi công phải tập trung nhân lực, máy móc để thi công và trả điện đúng thời gian đăng ký, không được cắt điện lãng phí lưới điện mà không thi công. Trong trường hợp trả điện trễ so với thời gian đăng ký cũng như cắt điện không thi công, bên B sẽ chịu trách nhiệm chi trả thiệt hại trong khoảng thời gian này theo quy định của ngành điện.  6. Trong vòng **30 ngày làm việc** sau khi công trình nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, Bên B phải cung cấp hoàn chỉnh cho bên A đầy đủ các thủ tục quyết toán theo đúng các quy định hiện hành. Nếu sau thời gian này, bên B phải chịu mức phạt là 0,2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. |
| **ĐKC 43.2** | Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng: Không áp dụng. |
| **E. Kết thúc hợp đồng** | |
| **ĐKC 47** | Thời gian bàn giao công trình:  Sau khi các công việc theo Hợp đồng được hoàn thành, đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư để tiến hành nghiệm thu công trình.  Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư để nghiệm thu công trình không sớm hơn 05 ngày trước khi công trình được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, Nhà thầu có thể đề nghị nghiệm thu theo hạng mục.  Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.  Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình.*.* |
| **ĐKC 48.1** | Thời gian nộp bản vẽ hoàn công:***trước khi tiến hành nghiệm thu kỹ thuật công trình.*** |

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | 1. **Các quy định chung** |
| 1. Định nghĩa | Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:   * 1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư (hay đại diện) phát hành theo đúng hợp đồng, bao gồm các tính toán và thông tin khác được Chủ đầu tư cung cấp hay phê duyệt để thực hiện hợp đồng;   2. “Bảng kê các hạng mục” là bảng liệt kê các hạng mục công việc thuộc gói thầu bao gồm thi công, lắp đặt, thử nghiệm và nghiệm thu công trình. Nội dung của Bảng kê các hạng mục bao gồm giá trọn gói cho mỗi hạng mục, làm cơ sở thanh toán, quyết toán, bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng;   3. “Bất khả kháng” là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch;   4. “Chủ đầu tư” là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình và được quy định tại **ĐKCT**;   5. “Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình” là giấy chứng nhận được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình xây dựng;   6. “Công trình” là những gì mà Hợp đồng yêu cầu Nhà thầu thi công, lắp đặt và bàn giao cho Chủ đầu tư được xác định trong **ĐKCT**;   7. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết cho việc thi công và lắp đặt công trình do Nhà thầu thiết kế, thi công, lắp đặt và tháo dỡ;   8. “Công trường” là khu vực được xác định trong **ĐKCT**;   9. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc thực hiện và hoàn thành công trình, trong đó bao gồm cả chi phí cho việc duy tu bảo dưỡng công trình. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng;   10. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành và duy tu bảo dưỡng công trình. Hợp đồng bao gồm các tài liệu liệt kê trong Mục 2 ĐKC;   11. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là các tháng dương lịch;   12. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn tất công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo Mục 45 ĐKC;   13. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại **ĐKCT**. Chỉ có Chủ đầu tư mới có thể điều chỉnh Ngày hoàn thành dự kiến bằng cách cho phép gia hạn thời gian hay đẩy nhanh tiến độ;   14. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong **ĐKCT**. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;   15. “Nhà thầu” là bên có HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận cho thực hiện công trình và được quy định tại **ĐKCT**;   16. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận;   17. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;   18. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được xác định theo Mục 41 ĐKC;   19. “Thay đổi” là những yêu cầu do Chủ đầu tư đưa ra bằng văn bản làm thay đổi công trình;   20. “Thiết bị” là các nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;   21. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao được quy định tại **ĐKCT**;   22. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;   23. “Tư vấn giám sát” là nhà thầu tư vấn được Chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Tên nhà thầu tư vấn giám sát được quy định tại **ĐKCT**;   24. “Vật tư” là tất cả những thứ được cung cấp, kể cả các vật tư tiêu hao cho Nhà thầu sử dụng trong công trình. |
| 2. Thứ tự ưu tiên | Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:   * 1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;   2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;   3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;   4. ĐKCT;   5. ĐKC;   6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;   7. E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT (nếu có);   8. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**. |
| 3. Luật và ngôn ngữ | Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. |
| 4. Ủy quyền | Trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**, Chủ đầu tư có thể uỷ quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định uỷ quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu. |
| 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng | Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp đến Chủ đầu tư không muộn hơn ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo hình thức và giá trị quy định cụ thể trong **ĐKCT** và có hiệu lực **đến hết ngày thứ 28** sau khi Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành và nhận được bảo đảm bảo hành. |
| 6. An toàn, PCCN và VSMT | Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường cho tất cả các hoạt động tại Công trường. |
| 7. Nhà thầu phụ | * 1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.   Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.   * 1. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 7.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT**.   2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT.   3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**. |
| 8. Hợp tác với các Nhà thầu khác | Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong quá trình thực hiện hợp đồng. |
| 9. Nhân sự và Thiết bị | * 1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã xác định trong E-HSDT có mặt tại hiện trường để thực hiện công trình **(nhà thầu có danh sách, quyết định giao nhiệm vụ nhân sự, thiết bị đến chủ đầu tư sau 03 ngày hợp đồng được ký kết)** hoặc huy động các nhân sự hay thiết bị khác được Chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế về cơ bản bằng hoặc cao hơn so với đề xuất trong E-HSDT.   2. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho một cán bộ/nhân viên của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, thì Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng.   3. Nếu Chủ đầu tư xác định được một cán bộ/nhân viên nào của Nhà thầu tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân viên đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 9.2 ĐKC. |
| 10. Bất khả kháng | 10.1. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.  10.2. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 21 ĐKC. |
| 11. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu | Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu. |
| 12. Rủi ro của Chủ đầu tư | Kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của Nhà thầu, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây:  12.1. Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (loại trừ công trình, vật tư, máy móc, thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư;  12.2. Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với công trình, vật tư, máy móc, thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng. |
| 13. Rủi ro của Nhà thầu | Nhà thầu chịu trách nhiệm về những rủi ro sau đây:  13.1. Các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (kể cả đối với công trình, vật tư, máy móc, thiết bị) kể từ ngày khởi công cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành;  13.2. Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với công trình kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao công trình cho đến ngày hết hạn nghĩa vụ bảo hành của Nhà thầu do:  - Bất kỳ sai sót nào xảy ra vào Ngày hoàn thành;  - Bất kỳ sự việc nào xảy ra trước Ngày hoàn thành mà sự việc này không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;  - Các hoạt động của Nhà thầu trên Công trường sau Ngày hoàn thành. |
| 14. Bảo hiểm | Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại **ĐKCT**. |
| 15. Thông tin về công trường | Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về công trường được đề cập trong **ĐKCT** và bất kỳ thông tin nào khác có liên quan đến công trường. |
| 16. An toàn | 16.1. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn của tất cả các hoạt động tại công trường.  Nhân viên làm xây lắp của Nhà thầu phải được huấn luyện, sát hạch đạt yêu cầu về trình độ an toàn điện và phải có thẻ an toàn theo quy định hiện hành.  Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn lao động của nhân viên mình khi thực hiện thi công công trình và phải tuân thủ theo các quy định hiện hành về hướng dẫn thực hiện phiếu công tác và phiếu bàn giao cho thi công đến làm việc trên các thiết bị nguồn và lưới điện của Điện lực Cẩm Mỹ quản lý.  Điện lực Cẩm Mỹ sẽ ra văn bản tạm ngưng mời thầu xây lắp trong một năm kế tiếp đối với Nhà thầu để xảy ra tai nạn lao động chết người và hai năm kế tiếp đối với Nhà thầu để xảy ra liên tiếp 02 vụ tai nạn lao động chết người trong năm đó do vi phạm Quy trình kỹ thuật an toàn điện, đồng thời thông báo cho các khác trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam được biết  **16.2. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình.**  1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, nhà thầu tổ chức lập, trình chủ đầu tư chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động. Kế hoạch này được xem xét định kỳ hoặc đột xuất để điều chỉnh phù hợp với thực tế thi công trên công trường. Nội dung cơ bản của kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo quy định tại Phụ lục I Thông tư 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.  2. Tổ chức bộ phận quản lý an toàn lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định 39/2016/NĐ-CP và tổ chức thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động đối với phần việc do mình thực hiện.  3. Tổ chức lập biện pháp thi công riêng, chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng công trình.  4. Dừng thi công xây dựng khi phát hiện nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động và có biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi công.  5. Khắc phục hậu quả tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình.  6. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo chủ đầu tư về kết quả thực hiện công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định của hợp đồng xây dựng.  7. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.  **16.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư**  1. Chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình do nhà thầu lập và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch của nhà thầu.  2. Phân công và thông báo nhiệm vụ, quyền hạn của người quản lý an toàn lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Xây dựng tới các nhà thầu thi công xây dựng công trình.  3. Tổ chức phối hợp giữa các nhà thầu để thực hiện quản lý an toàn lao động và giải quyết các vấn đề phát sinh về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.  4. Đình chỉ thi công khi phát hiện nhà thầu vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động. Yêu cầu nhà thầu khắc phục để đảm bảo an toàn lao động trước khi cho phép tiếp tục thi công.  5. Chỉ đạo, phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; khai báo sự cố gây mất an toàn lao động; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết, điều tra sự cố về máy, thiết bị, vật tư theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; tổ chức lập hồ sơ xử lý sự cố về máy, thiết bị, vật tư theo quy định tại Điều 20 Thông tư 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.  6. Chủ đầu tư được quyền giao cho nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện một hoặc một số trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định tại Điều này thông qua hợp đồng tư vấn xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát việc thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng, xử lý các vấn đề liên quan giữa nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình với các nhà thầu khác và với chính quyền địa phương trong quá trình thi công xây dựng công trình.  7. Việc thực hiện các quy định nêu tại Điều này của chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm về đảm bảo an toàn lao động của các nhà thầu thi công xây dựng đối với các phần việc do mình thực hiện.  **16.4. Trách nhiệm của bộ phận quản lý an toàn lao động của nhà thầu thi công xây dựng công trình**  1. Triển khai thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đã được chủ đầu tư chấp thuận.  2. Hướng dẫn người lao động nhận diện các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ xảy ra tai nạn và các biện pháp ngăn ngừa tai nạn trên công trường; yêu cầu người lao động sử dụng đúng và đủ dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trong quá trình làm việc; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động đối với người lao động; quản lý số lượng người lao động làm việc trên công trường.  3. Khi phát hiện vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động hoặc các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động thì phải có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, xử lý theo quy định nội bộ của nhà thầu; quyết định việc tạm dừng thi công xây dựng đối với công việc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; đình chỉ tham gia lao động đối với người lao động không tuân thủ biện pháp kỹ thuật an toàn hoặc vi phạm các quy định về sử dụng dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trong thi công xây dựng và báo cáo cho chỉ huy trưởng công trường.  4. Chủ động tham gia ứng cứu, khắc phục tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; tham gia ứng cứu khẩn cấp khi có yêu cầu của chủ đầu tư, người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |
| 17. Cổ vật phát hiện tại công trường | 17.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu không cho người của mình hoặc người khác lấy hoặc làm hư hỏng cổ vật được phát hiện. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.  17.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết. |
| 18. Quyền sử dụng công trường | Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng công trường cho Nhà thầu vào ngày quy định tại **ĐKCT**. Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại **ĐKCT** thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường. |
| 19. Ra vào Công trường | Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng. |
| 20. Tư vấn giám sát | * 1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.   2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.   3. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu. |
| 21. Giải quyết tranh chấp | * 1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.   2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại **ĐKCT**. |
|  | 1. **Quản lý thời gian** |
| 22. Ngày khởi công và ngày hoàn thành dự kiến | Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại **ĐKCT** và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày hoàn thành dự kiến quy định tại **ĐKCT**. |
| 23. Biểu tiến độ thi công chi tiết | * 1. Trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT**, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:   a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của công trình;  b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong hợp đồng;  c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng cán bộ, công nhân và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên công trường cho mỗi giai đoạn chính.   * 1. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận.   2. Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm không vượt quá thời gian quy định tại **ĐKCT**. Nếu Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền quy định tại **ĐKCT** trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Biểu tiến độ thi công chi tiết này được trình.   3. Việc chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết của Chủ đầu tư sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh lại Biểu tiến độ thi công chi tiết và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào. |
| 24. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng | Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:  24.1. Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho Nhà thầu vào thời gian quy định tại Mục 18 ĐKC;  24.2. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;  24.3. Các trường hợp khác được mô tả tại **ĐKCT**. |
| 25. Đẩy nhanh tiến độ | * 1. Khi Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được cả Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận.   2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xử lý như một thay đổi của hợp đồng. |
| 26. Trì hoãn theo lệnh của Chủ đầu tư | Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình. |
|  | **C. Quản lý chất lượng** |
| 27. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị, quản lý chất lượng | * 1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.   2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại **ĐKCT**để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.   3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.   4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.   5. Công tác thi công công trình:  1. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho giám sát A thời gian thi công các phần khuất lấp như đào đặt móng, lắp dựng cốt thép và đổ bê tông, tiếp địa, .v..v, để tổ chức theo dõi, nghiệm thu, chuyển bước thi công theo quy định. 2. Trường hợp quá trình thi công, vận chuyển VTTB Nhà thầu làm hư hại các công trình công cộng của địa phương, của chủ đầu tư và các hộ dân khác như đường giao thông lát dale bê tông, cống, cầu, v.v..., thì Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho địa phương, chủ đầu tư và các hộ dân đó. 3. Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường cho công trình xây dựng như quy định trong kế hoạch quản lý môi trường theo hợp đồng. Hàng tháng Nhà thầu phải lập báo cáo công tác giám sát quản lý môi trường để gửi cho Điện lực Cẩm Mỹ và giám sát A theo mẫu do Điện lực Cẩm Mỹ cung cấp. Khi thi công hoàn thành công trình, Nhà thầu phải cung cấp giấy xác nhận của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương về đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công (nếu có). 4. Đối với công tác cắt điện thi công công trình, nhà thầu phải triệt để áp dụng các biện pháp không cắt điện đường dây (như dùng cột tạm, tuyến tạm, dựng dàn giáo vượt qua…). Trường hợp đặc biệt không thể thực hiện được thì phải báo cáo ĐL Cẩm Mỹ để xem xét. 5. Công tác thu hồi VTTB:  * Trước khi tiến hành thi công các hạng mục cải tạo, Nhà thầu phối hợp cùng với Điện lực Cẩm Mỹ tiến hành kiểm tra và lập biên bản thống kê vật tư thu hồi trước và sau khi tháo dỡ. Khi tháo dỡ VTTB thu hồi, Nhà thầu phải tháo dỡ nguyên hiện trạng có sự giám sát của Điện lực Cẩm Mỹ và vận chuyển ngay về kho Điện lực Cẩm Mỹ để làm các thủ tục đánh giá VTTB thu hồi và nhập kho theo quy định. Nhà thầu không tự ý cắt vụn dây dẫn hoặc làm hư hỏng hay thất thoát VTTB thu hồi. * Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản, thông báo thời gian và khối lượng VTTB bàn giao từng đợt để Điện lực Cẩm Mỹ bố trí cán bộ phối hợp và kho bãi tiếp nhận. Đối với vật tư thu hồi do Nhà thầu làm thất thoát, Nhà thầu có trách nhiệm bồi hoàn vật tư mới hoặc bằng tiền theo giá tại thời điểm bồi hoàn do Chủ đầu tư quyết định và phải hoàn trả trước khi quyết toán đợt cuối.  1. Trong quá trình thi công nếu mặt bằng thi công vi phạm lộ giới hoặc vướng mắc liên quan đến bồi thường GPMB thì Nhà thầu phải báo cáo cho Điện lực Cẩm Mỹ để phối hợp với Tư vấn và chính quyền địa phương có biện pháp giải quyết. Việc thay đổi so với thiết kế đều phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Điện lực Cẩm Mỹ trước khi thực hiện. Việc điều chỉnh thiết kế và phát sinh phải được lập Biên bản tại hiện trường có xác nhận của giám sát A, giám sát B, Tư vấn thiết kế (nếu có), Điện lực Cẩm Mỹ. 2. Khi thực hiện kéo dây, Nhà thầu phải tính toán chiều dài thực tế các bành cáp được trang cấp và chiều dài các khoảng néo dây để rà soát, cân đối sử dụng hợp lý, hạn chế tối đa việc cắt vụn dây dẫn.    1. Về công tác quản lý chất lượng: 3. Nhà thầu trình Chủ đầu tư các hồ sơ: Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho ông trình và Biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các giải pháp thi công và biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình. 4. Lập và thông báo cho Chủ đầu tư hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, các nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu (theo qui định tại Khoản 2, Điều 25 của Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính Phủ). 5. Vật tư xây dựng của nhà thầu sử dụng cho công trình phải được cung cấp đầy đủ các hồ sơ: nguồn gốc nguyên vật liệu, cam kết cung cấp vật tư kèm chứng chỉ kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng trong thí nghiệm, kiểm tra và sử dụng (theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu). 6. Đối với công tác thử nghiệm, nghiệm thu kết cấu thép: Nhà thầu cần thông báo lịch nghiệm thu cho bên mua trước 5 ngày để tổ chức phối hợp với các liên quan. Mọi chi phí cho đoàn nghiệm thu (vé máy bay, đi lại, ăn nghỉ...) do nhà thầu chịu.    1. Kiểm điểm công tác định kỳ 7. Nhà thầu lập báo cáo theo mẫu (sẽ có thông báo sau) gửi cho Chủ đầu tư và giám sát A vào thứ năm hàng tuần. 8. Chủ đầu tư sẽ tổ chức những phiên họp kiểm điểm khối lượng thực hiện hàng tháng. Nhà thầu phải lập báo cáo về tình hình thực hiện công trình có lũy kế, nêu rõ những vướng mắc khó khăn và các kiến nghị để phục vụ cho phiên họp kiểm điểm này. |
| 28. Xác định các sai sót trong công trình | Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót. |
| 29. Thử nghiệm | Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường. |
| 30. Sửa chữa khắc phục Sai sót | * 1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.   2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo. |
| 31. Sai sót không được sửa chữa | Nếu Nhà thầu không sửa chữa Sai sót trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư quy định tại thông báo Sai sót trong Công trình thì Chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này. |
| 32. Dự báo về sự cố | Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục. |
|  | D. Quản lý chi phí |
| 33.Loại hợp đồng | Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói |
| 34.Giá hợp đồng và bảng giá hợp đồng | 34.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành tất cả các hạng mục của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.  34.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó. |
| 35.Điều chỉnh Giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng | Việc điều chỉnh Giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. |
| 36.Tạm ứng | Không thực hiện tạm ứng. |
| 37.Thanh toán | 37.1 Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.  37.2 Đồng tiền thanh toán là: VND. |
| 38.Điều chỉnh thuế | Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. |
| 39.Tiền giữ lại | Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. |
| 40.Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng | * 1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:  1. Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; 2. Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó; 3. Thay đổi về thiết kế; 4. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.    1. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.    2. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, Nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Biểu tiến độ thi công chi tiết. |
| 41.Dự trù dòng tiền mặt | Khi cập nhật Biểu tiến độ thi công, Nhà thầu đồng thời phải cung cấp cho Chủ đầu tư một bản dự trù dòng tiền mặt đã cập nhật. |
| 42.Sự kiện bồi thường | * 1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường:   a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 18 ĐKC;  b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này;  c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình đúng thời hạn;  d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót;  đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;  e) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;  g) Tạm ứng chậm;  h) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;  i) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.   * 1. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh Giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.   2. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh Giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh Giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.   3. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư. |
| 43.Phạt vi phạm và thưởng hợp đồng | * 1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại **ĐKCT** cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại **ĐKCT**. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.   2. Chủ đầu tư bị phạt hợp đồng theo mức quy định tại **ĐKCT** trong trường hợp Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong **ĐKCT**.   3. Không thực hiện thưởng hợp đồng. |
| 44.Chi phí sửa chữa | Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu. |
|  | **E. Kết thúc hợp đồng** |
| 45.Nghiệm thu | Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.  Đơn vị thi công thực hiện công tác nghiệm thu nội bộ, phối hợp với Tư vấn giám sát nghiệm thu công tác chuyển bước thi công và thực hiện nhật ký công trình theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các Văn bản liên quan, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Thông tư hướng dẫn hiện hành, Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Quyết định số 60/QĐ-EVN ngày 17/02/2014 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý chất lượng công trình trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành.  Phối hợp với đơn vị giám sát thi công của Chủ đầu tư sẽ chụp hình, quay phim truyền dữ liệu công tác giám sát về Chủ đầu tư để kiểm tra, Điện lực Cẩm Mỹ lưu hồ sơ các công đoạn chủ yếu trong thi công bao gồm các công trình ngầm, nối cáp, lắp trụ, đổ bê tông…Chủ đầu tư sẽ không thanh quyết toán các công trình nếu không có hình ảnh giám sát. |
| 46.Hoàn thành | Chủ đầu tư lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành. |
| 47.Bàn giao | Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại **ĐKCT** kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình. |
| 48. B.vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành | Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại **ĐKCT**. |
| 49.Quyết toán | Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư một bản kê chi tiết cho số tiền mà Nhà thầu yêu cầu được thanh toán theo Hợp đồng trước khi kết thúc Thời hạn bảo hành. Chủ đầu tư phải cấp Giấy chứng nhận kết thúc thời hạn bảo hành và xác nhận quyết toán cho Nhà thầu trong vòng **56 ngày** kể từ ngày nhận được bản kê chi tiết đúng và hoàn chỉnh của Nhà thầu. |
| 50.Chấm dứt hợp đồng | * 1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.   2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:   a) Nhà thầu không tiếp nhận công trường và tổ chức triển khai thi công sau 15 ngày kể từ ngày khởi công công trình.  b) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép;  c) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ;  d) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;  e) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;  f) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu;  g) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;  h) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;  i) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.   * 1. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 48.2. ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.   2. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt. |
| 51.Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng | * 1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 49 ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.   2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 49 ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này. |
| 52.Tài sản | Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu. |
| 53.Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng | Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. |